

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 13 - 5 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trọng Thủy và ông Mai Xuân Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2021/TLST - DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc S, sinh năm 1974 và chị Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

(Anh S vắng mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa phía nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Vào ngày 05/7/2020 vợ, chồng chị Phạm Thị Ánh T và anh Lê Ngọc S có vay của anh số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 15%/năm, thời hạn vay 01 tháng.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay đến nay, anh S và chị T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị T và anh S phải trả cho anh số nợ gốc 200.000.000 đồng và trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 07/01/2022, chị Phạm Thị Ánh T trình bày: Vào ngày 05/7/2020 chị và chồng chị là anh Lê Ngọc S có vay của anh C số tiền 200.000.000đ. Việc vay mượn có lập thành văn bản, thời hạn vay và lãi suất đúng như anh C đã trình bày. Tuy nhiên, đúng một tháng sau khi vay tiền, chị đã đưa cho chồng chị là anh Lê Ngọc S số tiền 204.000.000đ (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) để trả cho anh C. Vì vậy, nay anh C yêu cầu vợ, chồng chị trả cho anh C số tiền 200.000.000đ cùng với tiền lãi phát sinh, chị không đồng ý. Hiện tại chồng chị đã đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 8 năm 2020, không rõ tung tích, địa chỉ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau, tuy nhiên anh Lê Ngọc S không đến tham gia hòa giải. Chị T khai rằng hiện tại chồng chị đã đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 8 năm 2020, không rõ tung tích, địa chỉ. Ngày 04/3/2022 Tòa án tiến hành xác minh về sự có mặt của anh S tại địa phương. Công an xã S, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình cung cấp thông tin anh Lê Ngọc S cùng với vợ là chị Phạm Thị Ánh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã S, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Anh S hiện nay không có mặt tại địa phương và trước đó rời khỏi địa phương từ cuối năm 2020, khi đi anh S không khai báo hay cắt chuyển hộ khẩu thường trú, không báo địa chỉ tạm trú nên Công an xã không biết anh S hiện nay đang ở đâu, làm gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình phát biểu việc tuân theo pháp luật đối với Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS năm 2015, hợp tác với Tòa án. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Ngọc S; Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 buộc vợ chồng anh Lê Ngọc S và chị Phạm Thị Ánh T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn C tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định để nộp vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án theo lời khai của các bên đương sự và chứng cứ thể hiện, vào ngày 05/7/2020 giữa anh Nguyễn Văn C và vợ, chồng anh Lê Ngọc S, chị Phạm Thị Ánh T đã xác lập quan hệ dân sự về việc vay, mượn tiền có lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất. Khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận thì anh S và chị T không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Chị T và anh S có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Nên xác định đây là quan hệ “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị Ánh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, anh Lê Ngọc S vắng mặt do đi khỏi địa phương nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tổng đạt được văn bản tố tụng và niêm yết Quyết định xét xử, thông báo xét xử cũng như giấy triệu tập xét xử. Như vậy việc tổng đạt văn bản tố tụng đối với bị đơn là hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh S là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã thống nhất với nhau về việc có xác lập quan hệ vay tài sản. Phía nguyên đơn khẳng định đã cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng, là phù hợp với tài liệu chứng cứ nên không buộc nguyên đơn phải chứng minh. Phía bị đơn chị T cũng thừa nhận nội dung, số tiền ghi trong giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp đúng là chữ viết, chữ ký của bị đơn. Bị đơn chị T cho rằng chị đã đưa tiền cho anh S trả cho anh C, tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có cơ sở, nên cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh C yêu cầu chị T, anh S trả tiền lãi đối với số tiền vay 200.000.000 đồng kể từ ngày 05/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/5/2022, lãi suất 15%/năm tương đương với 1,25%/tháng. Lãi suất này do các bên tự thỏa thuận, không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính như

sau: Số tiền vay gốc 200.000.000 đồng kể từ ngày 05/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/5/2022 là 22 tháng 8 ngày nên tiền lãi là 200.000.000 đồng x 1,25%/tháng x 22 tháng 8 ngày = 55.666.700 đồng.

Như vậy tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi buộc chị T, anh S phải có nghĩa vụ trả cho anh C là 255.666.700 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thỏa thuận lãi suất chậm trả. Vì vậy kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch là: 255.666.700 đồng x 5% = 12.783.000 đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ (năm triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0000019 ngày 25/11/2021.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử:

1. Xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị Ánh T và bị đơn anh Lê Ngọc S.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C.

Buộc bị đơn anh Lê Ngọc S và chị Phạm Thị Ánh T liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn C tổng số tiền nợ 255.666.700 đồng (hai trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng). Trong đó tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/5/2022) là 55.666.700 đồng (năm mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị đơn anh Lê Ngọc S và chị Phạm Thị Ánh T phải chịu 12.783.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ (năm triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0000019 ngày 25/11/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/5/2022) đối với người có mặt, hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hữu Tình